

Danh sách 600 căn hộ chung cư đủ điều kiện được bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tại Tổ hợp Trung tâm thương mại - Khách sạn - Nhà ở tại số 02 đường Mai Hắc Đế, phường Buôn Ma Thuột

(Kèm theo Công văn số /SXD-QLN&TTBĐS ngày /01/2026 của Sở Xây dựng)

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
1	SH-01	HH1A	1	TM.01	160,7
2	SH-02	HH1A	1	TM.02	158,2
3	SH-03	HH1A	1	TM.03	175,3
4	SH-03A	HH1A	1	TM.03A	175,4
5	SH-05	HH1A	1	TM.05	204,5
6	SH-06	HH1A	1	TM.06	198
7	SH-06A	HH1A	1	TM.06A	197,3
8	SH-08	HH1A	1	TM.08	197,3
9	SH-09	HH1A	1	TM.09	198,3
10	SH-10	HH1A	1	TM.10	175,5
11	SH-11	HH1A	1	TM.11	175,5
12	SH-12	HH1A	1	TM.12	158,2
13	SH-12A	HH1A	1	TM.12A	160,3
14	E-03A01	HH1A	4	CH.17.01	134,9
15	E-03A02	HH1A	4	CH.01.01	106,2
16	E-03A03	HH1A	4	CH.02.01	107,0
17	E-03A03A	HH1A	4	CH.03.01	82,9
18	E-03A05	HH1A	4	CH.03A.01	82,9
19	E-03A06	HH1A	4	CH.05.01	48,8
20	E-03A06A	HH1A	4	CH.06.01	104,1
21	E-03A08	HH1A	4	CH.06A.01	82,9
22	E-03A09	HH1A	4	CH.08.01	82,9
23	E-03A10	HH1A	4	CH.09.01	82,9
24	E-03A11	HH1A	4	CH.10.01	82,9
25	E-03A12	HH1A	4	CH.11.01	82,9
26	E-03A12A	HH1A	4	CH.12.01	107,0
27	E-03A12B	HH1A	4	CH.12A.01	126,8
28	E-03A15	HH1A	4	CH.12B.01	83,0
29	E-03A16	HH1A	4	CH.15.01	141,5
30	E-03A17	HH1A	4	CH.16.01	85,1
31	E-0501	HH1A	5	CH.18.02	41,1
32	E-0502	HH1A	5	CH.19.02	65,3
33	E-0503	HH1A	5	CH.01.02	84,7
34	E-0503A	HH1A	5	CH.02.02	84,8

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
35	E-0505	HH1A	5	CH.03.02	65,3
36	E-0506	HH1A	5	CH.03A.02	65,3
37	E-0506A	HH1A	5	CH.05.02	40,6
38	E-0508	HH1A	5	CH.06.02	71,9
39	E-0509	HH1A	5	CH.06A.02	63,4
40	E-0510	HH1A	5	CH.08.02	63,4
41	E-0511	HH1A	5	CH.09.02	63,4
42	E-0512	HH1A	5	CH.10.02	63,4
43	E-0512A	HH1A	5	CH.11.02	63,3
44	E-0512B	HH1A	5	CH.12.02	84,7
45	E-0515	HH1A	5	CH.12A.02	84,9
46	E-0516	HH1A	5	CH.12B.02	63,3
47	E-0517	HH1A	5	CH.15.02	40,7
48	E-0518	HH1A	5	CH.16.02	65,3
49	E-0519	HH1A	5	CH.17.02	63,1
50	E-0601	HH1A	6	CH.18.02	41,1
51	E-0602	HH1A	6	CH.19.02	63,4
52	E-0603	HH1A	6	CH.01.02	84,7
53	E-0603A	HH1A	6	CH.02.02	84,8
54	E-0605	HH1A	6	CH.03.02	63,3
55	E-0606	HH1A	6	CH.03A.02	63,4
56	E-0606A	HH1A	6	CH.05.02	40,6
57	E-0608	HH1A	6	CH.06.02	71,9
58	E-0609	HH1A	6	CH.06A.02	63,4
59	E-0610	HH1A	6	CH.08.02	63,4
60	E-0611	HH1A	6	CH.09.02	63,4
61	E-0612	HH1A	6	CH.10.02	63,4
62	E-0612A	HH1A	6	CH.11.02	63,3
63	E-0612B	HH1A	6	CH.12.02	84,7
64	E-0615	HH1A	6	CH.12A.02	84,9
65	E-0616	HH1A	6	CH.12B.02	63,3
66	E-0617	HH1A	6	CH.15.02	40,7
67	E-0618	HH1A	6	CH.16.02	63,4
68	E-0619	HH1A	6	CH.17.02	63,1
69	E-06A01	HH1A	7	CH.18.02	41,1
70	E-06A02	HH1A	7	CH.19.02	63,4
71	E-06A03	HH1A	7	CH.01.02	84,7
72	E-06A03A	HH1A	7	CH.02.02	84,8
73	E-06A05	HH1A	7	CH.03.02	63,3
74	E-06A06	HH1A	7	CH.03A.02	63,4

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
75	E-06A06A	HH1A	7	CH.05.02	40,6
76	E-06A08	HH1A	7	CH.06.02	71,9
77	E-06A09	HH1A	7	CH.06A.02	63,4
78	E-06A10	HH1A	7	CH.08.02	63,4
79	E-06A11	HH1A	7	CH.09.02	63,4
80	E-06A12	HH1A	7	CH.10.02	63,4
81	E-06A12A	HH1A	7	CH.11.02	63,3
82	E-06A12B	HH1A	7	CH.12.02	84,7
83	E-06A15	HH1A	7	CH.12A.02	84,9
84	E-06A16	HH1A	7	CH.12B.02	63,3
85	E-06A17	HH1A	7	CH.15.02	40,7
86	E-06A18	HH1A	7	CH.16.02	63,4
87	E-06A19	HH1A	7	CH.17.02	63,1
88	E-0801	HH1A	8	CH.18.02	41,1
89	E-0802	HH1A	8	CH.19.02	63,4
90	E-0803	HH1A	8	CH.01.02	84,7
91	E-0803A	HH1A	8	CH.02.02	84,8
92	E-0805	HH1A	8	CH.03.02	63,3
93	E-0806	HH1A	8	CH.03A.02	63,4
94	E-0806A	HH1A	8	CH.05.02	40,6
95	E-0808	HH1A	8	CH.06.02	71,9
96	E-0809	HH1A	8	CH.06A.02	63,4
97	E-0810	HH1A	8	CH.08.02	63,4
98	E-0811	HH1A	8	CH.09.02	63,4
99	E-0812	HH1A	8	CH.10.02	63,4
100	E-0812A	HH1A	8	CH.11.02	63,3
101	E-0812B	HH1A	8	CH.12.02	84,7
102	E-0815	HH1A	8	CH.12A.02	84,9
103	E-0816	HH1A	8	CH.12B.02	63,3
104	E-0817	HH1A	8	CH.15.02	40,7
105	E-0818	HH1A	8	CH.16.02	63,4
106	E-0819	HH1A	8	CH.17.02	63,1
107	E-0901	HH1A	9	CH.18.02	41,1
108	E-0902	HH1A	9	CH.19.02	63,4
109	E-0903	HH1A	9	CH.01.02	84,7
110	E-0903A	HH1A	9	CH.02.02	84,8
111	E-0905	HH1A	9	CH.03.02	63,3
112	E-0906	HH1A	9	CH.03A.02	63,4
113	E-0906A	HH1A	9	CH.05.02	40,6
114	E-0908	HH1A	9	CH.06.02	71,9

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
115	E-0909	HH1A	9	CH.06A.02	63,4
116	E-0910	HH1A	9	CH.08.02	63,4
117	E-0911	HH1A	9	CH.09.02	63,4
118	E-0912	HH1A	9	CH.10.02	63,4
119	E-0912A	HH1A	9	CH.11.02	63,3
120	E-0912B	HH1A	9	CH.12.02	84,7
121	E-0915	HH1A	9	CH.12A.02	84,9
122	E-0916	HH1A	9	CH.12B.02	63,3
123	E-0917	HH1A	9	CH.15.02	40,7
124	E-0918	HH1A	9	CH.16.02	63,4
125	E-0919	HH1A	9	CH.17.02	63,1
126	E-1001	HH1A	10	CH.18.02	41,1
127	E-1002	HH1A	10	CH.19.02	63,4
128	E-1003	HH1A	10	CH.01.02	84,7
129	E-1003A	HH1A	10	CH.02.02	84,8
130	E-1005	HH1A	10	CH.03.02	63,3
131	E-1006	HH1A	10	CH.03A.02	63,4
132	E-1006A	HH1A	10	CH.05.02	40,6
133	E-1008	HH1A	10	CH.06.02	71,9
134	E-1009	HH1A	10	CH.06A.02	63,4
135	E-1010	HH1A	10	CH.08.02	63,4
136	E-1011	HH1A	10	CH.09.02	63,4
137	E-1012	HH1A	10	CH.10.02	63,4
138	E-1012A	HH1A	10	CH.11.02	63,3
139	E-1012B	HH1A	10	CH.12.02	84,7
140	E-1015	HH1A	10	CH.12A.02	84,9
141	E-1016	HH1A	10	CH.12B.02	63,3
142	E-1017	HH1A	10	CH.15.02	40,7
143	E-1018	HH1A	10	CH.16.02	63,4
144	E-1019	HH1A	10	CH.17.02	63,1
145	E-1101	HH1A	11	CH.18.02	41,1
146	E-1102	HH1A	11	CH.19.02	63,4
147	E-1103	HH1A	11	CH.01.02	84,7
148	E-1103A	HH1A	11	CH.02.02	84,8
149	E-1105	HH1A	11	CH.03.02	63,3
150	E-1106	HH1A	11	CH.03A.02	63,4
151	E-1106A	HH1A	11	CH.05.02	40,6
152	E-1108	HH1A	11	CH.06.02	71,9
153	E-1109	HH1A	11	CH.06A.02	63,4
154	E-1110	HH1A	11	CH.08.02	63,4

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
155	E-1111	HH1A	11	CH.09.02	63,4
156	E-1112	HH1A	11	CH.10.02	63,4
157	E-1112A	HH1A	11	CH.11.02	63,3
158	E-1112B	HH1A	11	CH.12.02	84,7
159	E-1115	HH1A	11	CH.12A.02	84,9
160	E-1116	HH1A	11	CH.12B.02	63,3
161	E-1117	HH1A	11	CH.15.02	40,7
162	E-1118	HH1A	11	CH.16.02	63,4
163	E-1119	HH1A	11	CH.17.02	63,1
164	E-1201	HH1A	12	CH.18.02	41,1
165	E-1202	HH1A	12	CH.19.02	63,4
166	E-1203	HH1A	12	CH.01.02	84,7
167	E-1203A	HH1A	12	CH.02.02	84,8
168	E-1205	HH1A	12	CH.03.02	63,3
169	E-1206	HH1A	12	CH.03A.02	63,4
170	E-1206A	HH1A	12	CH.05.02	40,6
171	E-1208	HH1A	12	CH.06.02	71,9
172	E-1209	HH1A	12	CH.06A.02	63,4
173	E-1210	HH1A	12	CH.08.02	63,4
174	E-1211	HH1A	12	CH.09.02	63,4
175	E-1212	HH1A	12	CH.10.02	63,4
176	E-1212A	HH1A	12	CH.11.02	63,3
177	E-1212B	HH1A	12	CH.12.02	84,7
178	E-1215	HH1A	12	CH.12A.02	84,9
179	E-1216	HH1A	12	CH.12B.02	63,3
180	E-1217	HH1A	12	CH.15.02	40,7
181	E-1218	HH1A	12	CH.16.02	63,4
182	E-1219	HH1A	12	CH.17.02	63,1
183	E-12A01	HH1A	13	CH.18.02	41,1
184	E-12A02	HH1A	13	CH.19.02	63,4
185	E-12A03	HH1A	13	CH.01.02	84,7
186	E-12A03A	HH1A	13	CH.02.02	84,8
187	E-12A05	HH1A	13	CH.03.02	63,3
188	E-12A06	HH1A	13	CH.03A.02	63,4
189	E-12A06A	HH1A	13	CH.05.02	40,6
190	E-12A08	HH1A	13	CH.06.02	71,9
191	E-12A09	HH1A	13	CH.06A.02	63,4
192	E-12A10	HH1A	13	CH.08.02	63,4
193	E-12A11	HH1A	13	CH.09.02	63,4
194	E-12A12	HH1A	13	CH.10.02	63,4

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
195	E-12A12A	HH1A	13	CH.11.02	63,3
196	E-12A12B	HH1A	13	CH.12.02	84,7
197	E-12A15	HH1A	13	CH.12A.02	84,9
198	E-12A16	HH1A	13	CH.12B.02	63,3
199	E-12A17	HH1A	13	CH.15.02	40,7
200	E-12A18	HH1A	13	CH.16.02	63,4
201	E-12A19	HH1A	13	CH.17.02	63,1
202	E-12B01	HH1A	14	CH.18.02	41,1
203	E-12B02	HH1A	14	CH.19.02	63,4
204	E-12B03	HH1A	14	CH.01.02	84,7
205	E-12B03A	HH1A	14	CH.02.02	84,8
206	E-12B05	HH1A	14	CH.03.02	63,3
207	E-12B06	HH1A	14	CH.03A.02	63,4
208	E-12B06A	HH1A	14	CH.05.02	40,6
209	E-12B08	HH1A	14	CH.06.02	71,9
210	E-12B09	HH1A	14	CH.06A.02	63,4
211	E-12B10	HH1A	14	CH.08.02	63,4
212	E-12B11	HH1A	14	CH.09.02	63,4
213	E-12B12	HH1A	14	CH.10.02	63,4
214	E-12B12A	HH1A	14	CH.11.02	63,3
215	E-12B12B	HH1A	14	CH.12.02	84,7
216	E-12B15	HH1A	14	CH.12A.02	84,9
217	E-12B16	HH1A	14	CH.12B.02	63,3
218	E-12B17	HH1A	14	CH.15.02	40,7
219	E-12B18	HH1A	14	CH.16.02	63,4
220	E-12B19	HH1A	14	CH.17.02	63,1
221	E-1501	HH1A	15	CH.18.02	41,1
222	E-1502	HH1A	15	CH.19.02	63,4
223	E-1503	HH1A	15	CH.01.02	84,7
224	E-1503A	HH1A	15	CH.02.02	84,8
225	E-1505	HH1A	15	CH.03.02	63,3
226	E-1506	HH1A	15	CH.03A.02	63,4
227	E-1506A	HH1A	15	CH.05.02	40,6
228	E-1508	HH1A	15	CH.06.02	71,9
229	E-1509	HH1A	15	CH.06A.02	63,4
230	E-1510	HH1A	15	CH.08.02	63,4
231	E-1511	HH1A	15	CH.09.02	63,4
232	E-1512	HH1A	15	CH.10.02	63,4
233	E-1512A	HH1A	15	CH.11.02	63,3
234	E-1512B	HH1A	15	CH.12.02	84,7

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
235	E-1515	HH1A	15	CH.12A.02	84,9
236	E-1516	HH1A	15	CH.12B.02	63,3
237	E-1517	HH1A	15	CH.15.02	40,7
238	E-1518	HH1A	15	CH.16.02	63,4
239	E-1519	HH1A	15	CH.17.02	63,1
240	E-1701	HH1A	17	CH.18.03	41,2
241	E-1702	HH1A	17	CH.19.03	63,7
242	E-1703	HH1A	17	CH.01.03	85,0
243	E-1703A	HH1A	17	CH.02.03	85,1
244	E-1705	HH1A	17	CH.03.03	63,6
245	E-1706	HH1A	17	CH.03A.03	63,7
246	E-1706A	HH1A	17	CH.05.03	40,8
247	E-1708	HH1A	17	CH.06.03	72,8
248	E-1709	HH1A	17	CH.06A.03	63,7
249	E-1710	HH1A	17	CH.08.03	63,7
250	E-1711	HH1A	17	CH.09.03	63,7
251	E-1712	HH1A	17	CH.10.03	63,7
252	E-1712A	HH1A	17	CH.11.03	63,6
253	E-1712B	HH1A	17	CH.12.03	85,0
254	E-1715	HH1A	17	CH.12A.03	85,2
255	E-1716	HH1A	17	CH.12B.03	63,4
256	E-1717	HH1A	17	CH.15.03	40,8
257	E-1718	HH1A	17	CH.16.03	63,7
258	E-1719	HH1A	17	CH.17.03	63,2
259	E-1801	HH1A	18	CH.18.03	41,2
260	E-1802	HH1A	18	CH.19.03	63,7
261	E-1803	HH1A	18	CH.01.03	85,0
262	E-1803A	HH1A	18	CH.02.03	85,1
263	E-1805	HH1A	18	CH.03.03	63,6
264	E-1806	HH1A	18	CH.03A.03	63,7
265	E-1806A	HH1A	18	CH.05.03	40,8
266	E-1808	HH1A	18	CH.06.03	72,8
267	E-1809	HH1A	18	CH.06A.03	63,7
268	E-1810	HH1A	18	CH.08.03	63,7
269	E-1811	HH1A	18	CH.09.03	63,7
270	E-1812	HH1A	18	CH.10.03	63,7
271	E-1812A	HH1A	18	CH.11.03	63,6
272	E-1812B	HH1A	18	CH.12.03	85,0
273	E-1815	HH1A	18	CH.12A.03	85,2
274	E-1816	HH1A	18	CH.12B.03	63,4

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
275	E-1817	HH1A	18	CH.15.03	40,8
276	E-1818	HH1A	18	CH.16.03	63,7
277	E-1819	HH1A	18	CH.17.03	63,2
278	E-1901	HH1A	19	CH.18.03	41,2
279	E-1902	HH1A	19	CH.19.03	63,7
280	E-1903	HH1A	19	CH.01.03	85,0
281	E-1903A	HH1A	19	CH.02.03	85,1
282	E-1905	HH1A	19	CH.03.03	63,6
283	E-1906	HH1A	19	CH.03A.03	63,7
284	E-1906A	HH1A	19	CH.05.03	40,8
285	E-1908	HH1A	19	CH.06.03	72,8
286	E-1909	HH1A	19	CH.06A.03	63,7
287	E-1910	HH1A	19	CH.08.03	63,7
288	E-1911	HH1A	19	CH.09.03	63,7
289	E-1912	HH1A	19	CH.10.03	63,7
290	E-1912A	HH1A	19	CH.11.03	63,6
291	E-1912B	HH1A	19	CH.12.03	85,0
292	E-1915	HH1A	19	CH.12A.03	85,2
293	E-1916	HH1A	19	CH.12B.03	63,4
294	E-1917	HH1A	19	CH.15.03	40,8
295	E-1918	HH1A	19	CH.16.03	63,7
296	E-1919	HH1A	19	CH.17.03	63,2
297	E-2001	HH1A	20	CH.18.03	41,2
298	E-2002	HH1A	20	CH.19.03	63,7
299	E-2003	HH1A	20	CH.01.03	85,0
300	E-2003A	HH1A	20	CH.02.03	85,1
301	E-2005	HH1A	20	CH.03.03	63,6
302	E-2006	HH1A	20	CH.03A.03	63,7
303	E-2006A	HH1A	20	CH.05.03	40,8
304	E-2008	HH1A	20	CH.06.03	72,8
305	E-2009	HH1A	20	CH.06A.03	63,7
306	E-2010	HH1A	20	CH.08.03	63,7
307	E-2011	HH1A	20	CH.09.03	63,7
308	E-2012	HH1A	20	CH.10.03	63,7
309	E-2012A	HH1A	20	CH.11.03	63,6
310	E-2012B	HH1A	20	CH.12.03	85,0
311	E-2015	HH1A	20	CH.12A.03	85,2
312	E-2016	HH1A	20	CH.12B.03	63,4
313	E-2017	HH1A	20	CH.15.03	40,8
314	E-2018	HH1A	20	CH.16.03	63,7

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
315	E-2019	HH1A	20	CH.17.03	63,2
316	E-2101	HH1A	21	CH.18.03	41,2
317	E-2102	HH1A	21	CH.19.03	63,7
318	E-2103	HH1A	21	CH.01.03	85,0
319	E-2103A	HH1A	21	CH.02.03	85,1
320	E-2105	HH1A	21	CH.03.03	63,6
321	E-2106	HH1A	21	CH.03A.03	63,7
322	E-2106A	HH1A	21	CH.05.03	40,8
323	E-2108	HH1A	21	CH.06.03	72,8
324	E-2109	HH1A	21	CH.06A.03	63,7
325	E-2110	HH1A	21	CH.08.03	63,7
326	E-2111	HH1A	21	CH.09.03	63,7
327	E-2112	HH1A	21	CH.10.03	63,7
328	E-2112A	HH1A	21	CH.11.03	63,6
329	E-2112B	HH1A	21	CH.12.03	85,0
330	E-2115	HH1A	21	CH.12A.03	85,2
331	E-2116	HH1A	21	CH.12B.03	63,4
332	E-2117	HH1A	21	CH.15.03	40,8
333	E-2118	HH1A	21	CH.16.03	63,7
334	E-2119	HH1A	21	CH.17.03	63,2
335	E-2201	HH1A	22	CH.18.03	41,2
336	E-2202	HH1A	22	CH.19.03	63,7
337	E-2203	HH1A	22	CH.01.03	85,0
338	E-2203A	HH1A	22	CH.02.03	85,1
339	E-2205	HH1A	22	CH.03.03	63,6
340	E-2206	HH1A	22	CH.03A.03	63,7
341	E-2206A	HH1A	22	CH.05.03	40,8
342	E-2208	HH1A	22	CH.06.03	72,8
343	E-2209	HH1A	22	CH.06A.03	63,7
344	E-2210	HH1A	22	CH.08.03	63,7
345	E-2211	HH1A	22	CH.09.03	63,7
346	E-2212	HH1A	22	CH.10.03	63,7
347	E-2212A	HH1A	22	CH.11.03	63,6
348	E-2212B	HH1A	22	CH.12.03	85,0
349	E-2215	HH1A	22	CH.12A.03	85,2
350	E-2216	HH1A	22	CH.12B.03	63,4
351	E-2217	HH1A	22	CH.15.03	40,8
352	E-2218	HH1A	22	CH.16.03	63,7
353	E-2219	HH1A	22	CH.17.03	63,2
354	E-2301	HH1A	23	CH.18.03	41,2

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
355	E-2302	HH1A	23	CH.19.03	63,7
356	E-2303	HH1A	23	CH.01.03	85,0
357	E-2303A	HH1A	23	CH.02.03	85,1
358	E-2305	HH1A	23	CH.03.03	63,6
359	E-2306	HH1A	23	CH.03A.03	63,7
360	E-2306A	HH1A	23	CH.05.03	40,8
361	E-2308	HH1A	23	CH.06.03	72,8
362	E-2309	HH1A	23	CH.06A.03	63,7
363	E-2310	HH1A	23	CH.08.03	63,7
364	E-2311	HH1A	23	CH.09.03	63,7
365	E-2312	HH1A	23	CH.10.03	63,7
366	E-2312A	HH1A	23	CH.11.03	63,6
367	E-2312B	HH1A	23	CH.12.03	85,0
368	E-2315	HH1A	23	CH.12A.03	85,2
369	E-2316	HH1A	23	CH.12B.03	63,4
370	E-2317	HH1A	23	CH.15.03	40,8
371	E-2318	HH1A	23	CH.16.03	63,7
372	E-2319	HH1A	23	CH.17.03	63,2
373	E-2401	HH1A	24	CH.18.03	41,2
374	E-2402	HH1A	24	CH.19.03	63,7
375	E-2403	HH1A	24	CH.01.03	85,0
376	E-2403A	HH1A	24	CH.02.03	85,1
377	E-2405	HH1A	24	CH.03.03	63,6
378	E-2406	HH1A	24	CH.03A.03	63,7
379	E-2406A	HH1A	24	CH.05.03	40,8
380	E-2408	HH1A	24	CH.06.03	72,8
381	E-2409	HH1A	24	CH.06A.03	63,7
382	E-2410	HH1A	24	CH.08.03	63,7
383	E-2411	HH1A	24	CH.09.03	63,7
384	E-2412	HH1A	24	CH.10.03	63,7
385	E-2412A	HH1A	24	CH.11.03	63,6
386	E-2412B	HH1A	24	CH.12.03	85,0
387	E-2415	HH1A	24	CH.12A.03	85,2
388	E-2416	HH1A	24	CH.12B.03	63,4
389	E-2417	HH1A	24	CH.15.03	40,8
390	E-2418	HH1A	24	CH.16.03	63,7
391	E-2419	HH1A	24	CH.17.03	63,2
392	E-2501	HH1A	25	CH.18.04	41,3
393	E-2502	HH1A	25	CH.19.04	63,8
394	E-2503	HH1A	25	CH.01.04	85,1

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
395	E-2503A	HH1A	25	CH.02.04	85,2
396	E-2505	HH1A	25	CH.03.04	63,8
397	E-2506	HH1A	25	CH.03A.04	63,8
398	E-2506A	HH1A	25	CH.05.04	40,9
399	E-2508	HH1A	25	CH.06.04	73,2
400	E-2509	HH1A	25	CH.06A.04	63,8
401	E-2510	HH1A	25	CH.08.04	63,8
402	E-2511	HH1A	25	CH.09.04	63,8
403	E-2512	HH1A	25	CH.10.04	63,8
404	E-2512A	HH1A	25	CH.11.04	63,8
405	E-2512B	HH1A	25	CH.12.04	85,1
406	E-2515	HH1A	25	CH.12A.04	85,3
407	E-2516	HH1A	25	CH.12B.04	63,5
408	E-2517	HH1A	25	CH.15.04	40,9
409	E-2518	HH1A	25	CH.16.04	63,8
410	E-2519	HH1A	25	CH.17.04	63,3
411	E-2601	HH1A	26	CH.18.04	41,3
412	E-2602	HH1A	26	CH.19.04	63,8
413	E-2603	HH1A	26	CH.01.04	85,1
414	E-2603A	HH1A	26	CH.02.04	85,2
415	E-2605	HH1A	26	CH.03.04	63,8
416	E-2606	HH1A	26	CH.03A.04	63,8
417	E-2606A	HH1A	26	CH.05.04	40,9
418	E-2608	HH1A	26	CH.06.04	73,2
419	E-2609	HH1A	26	CH.06A.04	63,8
420	E-2610	HH1A	26	CH.08.04	63,8
421	E-2611	HH1A	26	CH.09.04	63,8
422	E-2612	HH1A	26	CH.10.04	63,8
423	E-2612A	HH1A	26	CH.11.04	63,8
424	E-2612B	HH1A	26	CH.12.04	85,1
425	E-2615	HH1A	26	CH.12A.04	85,3
426	E-2616	HH1A	26	CH.12B.04	63,5
427	E-2617	HH1A	26	CH.15.04	40,9
428	E-2618	HH1A	26	CH.16.04	63,8
429	E-2619	HH1A	26	CH.17.04	63,3
430	E-2701	HH1A	27	CH.18.04	41,3
431	E-2702	HH1A	27	CH.19.04	63,8
432	E-2703	HH1A	27	CH.01.04	85,1
433	E-2703A	HH1A	27	CH.02.04	85,2
434	E-2705	HH1A	27	CH.03.04	63,8

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
435	E-2706	HH1A	27	CH.03A.04	63,8
436	E-2706A	HH1A	27	CH.05.04	40,9
437	E-2708	HH1A	27	CH.06.04	73,2
438	E-2709	HH1A	27	CH.06A.04	63,8
439	E-2710	HH1A	27	CH.08.04	63,8
440	E-2711	HH1A	27	CH.09.04	63,8
441	E-2712	HH1A	27	CH.10.04	63,8
442	E-2712A	HH1A	27	CH.11.04	63,8
443	E-2712B	HH1A	27	CH.12.04	85,1
444	E-2715	HH1A	27	CH.12A.04	85,3
445	E-2716	HH1A	27	CH.12B.04	63,5
446	E-2717	HH1A	27	CH.15.04	40,9
447	E-2718	HH1A	27	CH.16.04	63,8
448	E-2719	HH1A	27	CH.17.04	63,3
449	E-2801	HH1A	28	CH.18.04	41,3
450	E-2802	HH1A	28	CH.19.04	63,8
451	E-2803	HH1A	28	CH.01.04	85,1
452	E-2803A	HH1A	28	CH.02.04	85,2
453	E-2805	HH1A	28	CH.03.04	63,8
454	E-2806	HH1A	28	CH.03A.04	63,8
455	E-2806A	HH1A	28	CH.05.04	40,9
456	E-2808	HH1A	28	CH.06.04	73,2
457	E-2809	HH1A	28	CH.06A.04	63,8
458	E-2810	HH1A	28	CH.08.04	63,8
459	E-2811	HH1A	28	CH.09.04	63,8
460	E-2812	HH1A	28	CH.10.04	63,8
461	E-2812A	HH1A	28	CH.11.04	63,8
462	E-2812B	HH1A	28	CH.12.04	85,1
463	E-2815	HH1A	28	CH.12A.04	85,3
464	E-2816	HH1A	28	CH.12B.04	63,5
465	E-2817	HH1A	28	CH.15.04	40,9
466	E-2818	HH1A	28	CH.16.04	63,8
467	E-2819	HH1A	28	CH.17.04	63,3
468	E-2901	HH1A	29	CH.18.04	41,3
469	E-2902	HH1A	29	CH.19.04	63,8
470	E-2903	HH1A	29	CH.01.04	85,1
471	E-2903A	HH1A	29	CH.02.04	85,2
472	E-2905	HH1A	29	CH.03.04	63,8
473	E-2906	HH1A	29	CH.03A.04	63,8
474	E-2906A	HH1A	29	CH.05.04	40,9

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
475	E-2908	HH1A	29	CH.06.04	73,2
476	E-2909	HH1A	29	CH.06A.04	63,8
477	E-2910	HH1A	29	CH.08.04	63,8
478	E-2911	HH1A	29	CH.09.04	63,8
479	E-2912	HH1A	29	CH.10.04	63,8
480	E-2912A	HH1A	29	CH.11.04	63,8
481	E-2912B	HH1A	29	CH.12.04	85,1
482	E-2915	HH1A	29	CH.12A.04	85,3
483	E-2916	HH1A	29	CH.12B.04	63,5
484	E-2917	HH1A	29	CH.15.04	40,9
485	E-2918	HH1A	29	CH.16.04	63,8
486	E-2919	HH1A	29	CH.17.04	63,3
487	E-3001	HH1A	30	CH.18.04	41,3
488	E-3002	HH1A	30	CH.19.04	63,8
489	E-3003	HH1A	30	CH.01.04	85,1
490	E-3003A	HH1A	30	CH.02.04	85,2
491	E-3005	HH1A	30	CH.03.04	63,8
492	E-3006	HH1A	30	CH.03A.04	63,8
493	E-3006A	HH1A	30	CH.05.04	40,9
494	E-3008	HH1A	30	CH.06.04	73,2
495	E-3009	HH1A	30	CH.06A.04	63,8
496	E-3010	HH1A	30	CH.08.04	63,8
497	E-3011	HH1A	30	CH.09.04	63,8
498	E-3012	HH1A	30	CH.10.04	63,8
499	E-3012A	HH1A	30	CH.11.04	63,8
500	E-3012B	HH1A	30	CH.12.04	85,1
501	E-3015	HH1A	30	CH.12A.04	85,3
502	E-3016	HH1A	30	CH.12B.04	63,5
503	E-3017	HH1A	30	CH.15.04	40,9
504	E-3018	HH1A	30	CH.16.04	63,8
505	E-3019	HH1A	30	CH.17.04	63,3
506	E-3101	HH1A	31	CH.18.04	41,3
507	E-3102	HH1A	31	CH.19.04	63,8
508	E-3103	HH1A	31	CH.01.04	85,1
509	E-3103A	HH1A	31	CH.02.04	85,2
510	E-3105	HH1A	31	CH.03.04	63,8
511	E-3106	HH1A	31	CH.03A.04	63,8
512	E-3106A	HH1A	31	CH.05.04	40,9
513	E-3108	HH1A	31	CH.06.04	73,2
514	E-3109	HH1A	31	CH.06A.04	63,8

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
515	E-3110	HH1A	31	CH.08.04	63,8
516	E-3111	HH1A	31	CH.09.04	63,8
517	E-3112	HH1A	31	CH.10.04	63,8
518	E-3112A	HH1A	31	CH.11.04	63,8
519	E-3112B	HH1A	31	CH.12.04	85,1
520	E-3115	HH1A	31	CH.12A.04	85,3
521	E-3116	HH1A	31	CH.12B.04	63,5
522	E-3117	HH1A	31	CH.15.04	40,9
523	E-3118	HH1A	31	CH.16.04	63,8
524	E-3119	HH1A	31	CH.17.04	63,3
525	E-3201	HH1A	32	CH.18.04	41,3
526	E-3202	HH1A	32	CH.19.04	63,8
527	E-3203	HH1A	32	CH.01.04	85,1
528	E-3203A	HH1A	32	CH.02.04	85,2
529	E-3205	HH1A	32	CH.03.04	63,8
530	E-3206	HH1A	32	CH.03A.04	63,8
531	E-3206A	HH1A	32	CH.05.04	40,9
532	E-3208	HH1A	32	CH.06.04	73,2
533	E-3209	HH1A	32	CH.06A.04	63,8
534	E-3210	HH1A	32	CH.08.04	63,8
535	E-3211	HH1A	32	CH.09.04	63,8
536	E-3212	HH1A	32	CH.10.04	63,8
537	E-3212A	HH1A	32	CH.11.04	63,8
538	E-3212B	HH1A	32	CH.12.04	85,1
539	E-3215	HH1A	32	CH.12A.04	85,3
540	E-3216	HH1A	32	CH.12B.04	63,5
541	E-3217	HH1A	32	CH.15.04	40,9
542	E-3218	HH1A	32	CH.16.04	63,8
543	E-3219	HH1A	32	CH.17.04	63,3
544	E-3301	HH1A	33	CH.18.04	41,3
545	E-3302	HH1A	33	CH.19.04	63,8
546	E-3303	HH1A	33	CH.01.04	85,1
547	E-3303A	HH1A	33	CH.02.04	85,2
548	E-3305	HH1A	33	CH.03.04	63,8
549	E-3306	HH1A	33	CH.03A.04	63,8
550	E-3306A	HH1A	33	CH.05.04	40,9
551	E-3308	HH1A	33	CH.06.04	73,2
552	E-3309	HH1A	33	CH.06A.04	63,8
553	E-3310	HH1A	33	CH.08.04	63,8
554	E-3311	HH1A	33	CH.09.04	63,8

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
555	E-3312	HH1A	33	CH.10.04	63,8
556	E-3312A	HH1A	33	CH.11.04	63,8
557	E-3312B	HH1A	33	CH.12.04	85,1
558	E-3315	HH1A	33	CH.12A.04	85,3
559	E-3316	HH1A	33	CH.12B.04	63,5
560	E-3317	HH1A	33	CH.15.04	40,9
561	E-3318	HH1A	33	CH.16.04	63,8
562	E-3319	HH1A	33	CH.17.04	63,3
563	E-3401	HH1A	34	CH.18.04	41,3
564	E-3402	HH1A	34	CH.19.04	63,8
565	E-3403	HH1A	34	CH.01.04	85,1
566	E-3403A	HH1A	34	CH.02.04	85,2
567	E-3405	HH1A	34	CH.03.04	63,8
568	E-3406	HH1A	34	CH.03A.04	63,8
569	E-3406A	HH1A	34	CH.05.04	40,9
570	E-3408	HH1A	34	CH.06.04	73,2
571	E-3409	HH1A	34	CH.06A.04	63,8
572	E-3410	HH1A	34	CH.08.04	63,8
573	E-3411	HH1A	34	CH.09.04	63,8
574	E-3412	HH1A	34	CH.10.04	63,8
575	E-3412A	HH1A	34	CH.11.04	63,8
576	E-3412B	HH1A	34	CH.12.04	85,1
577	E-3415	HH1A	34	CH.12A.04	85,3
578	E-3416	HH1A	34	CH.12B.04	63,5
579	E-3417	HH1A	34	CH.15.04	40,9
580	E-3418	HH1A	34	CH.16.04	63,8
581	E-3419	HH1A	34	CH.17.04	63,3
582	E-3501	HH1A	35	CH.18.04	41,3
583	E-3502	HH1A	35	CH.19.04	63,8
584	E-3503	HH1A	35	CH.01.04	85,1
585	E-3503A	HH1A	35	CH.02.04	85,2
586	E-3505	HH1A	35	CH.03.04	63,8
587	E-3506	HH1A	35	CH.03A.04	63,8
588	E-3506A	HH1A	35	CH.05.04	40,9
589	E-3508	HH1A	35	CH.06.04	73,2
590	E-3509	HH1A	35	CH.06A.04	63,8
591	E-3510	HH1A	35	CH.08.04	63,8
592	E-3511	HH1A	35	CH.09.04	63,8
593	E-3512	HH1A	35	CH.10.04	63,8
594	E-3512A	HH1A	35	CH.11.04	63,8

STT	Tên căn hộ	Tòa	Tầng	Ký hiệu	Diện tích căn hộ (m2)
595	E-3512B	HH1A	35	CH.12.04	85,1
596	E-3515	HH1A	35	CH.12A.04	85,3
597	E-3516	HH1A	35	CH.12B.04	63,5
598	E-3517	HH1A	35	CH.15.04	40,9
599	E-3518	HH1A	35	CH.16.04	63,8
600	E-3519	HH1A	35	CH.17.04	63,3